

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 108/2024/DS-PT
Ngày: 06-03-2024
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Phúc

Các Thẩm phán: Bà Huỳnh Thị Hồng Vân

Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Nam - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tho- Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 101/2023/TLPT-DS ngày 16 tháng 01 năm 2024, về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 107/2023/DS-ST ngày 28 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Hóa, tỉnh Long An bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 66/2023/QĐ-PT ngày 01 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phan Kim B, sinh năm 1958; Địa chỉ: số C, ấp D, xã T, huyện T, tỉnh Long An.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Sinh C, sinh năm 1952; Địa chỉ: ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Long An.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Trần Văn A, sinh năm 1954; Địa chỉ: ấp D, xã T, huyện T, tỉnh Long An.

(Bà B, ông C, ông A có mặt)

- Người kháng cáo: Nguyên đơn bà Phan Kim B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Phan Kim B trình bày: Vào ngày 17/5/2016 ông Nguyễn Sinh C có vay của tôi 20.000.000đồng, lãi suất 1.000.000đồng/tháng, không hẹn ngày trả chỉ thỏa thuận khi nào tôi yêu cầu thì trả. Sau đó tôi có đến nhà ông C yêu cầu ông C trả nợ cho tôi nhưng ông C hứa khi nào bán đất thì trả cho tôi. Nhưng sau đó ông

C vẫn không trả nợ gốc và lãi cho tôi nên tôi có gửi đơn yêu cầu Ủy ban nhân dân xã T giải quyết việc ông C vay tiền tôi không trả, ngày 07/7/2023 Ủy ban nhân dân xã T hòa giải thì ông C nói đã trả tiền cho ông Trần Văn A là chồng tôi nhưng ông A không có đưa lại số tiền trên cho tôi nên ông C vẫn còn nợ tôi 20.000.000đồng. Tôi xác định chỉ cho ông C vay 20.000.000đồng, ngoài ra không có khoản vay nào khác.

Nay tôi khởi kiện yêu cầu ông C trả cho tôi 20.000.000đồng tiền gốc và 20.000.000đồng tiền lãi là 40.000.000đồng.

Bị đơn ông Nguyễn Sinh C trình bày: Tôi thừa nhận có vay của bà B số tiền 20.000.000đồng từ năm 2014 ngày thì không nhớ để cho mẹ tôi ở ngoài Bắc trị bệnh, không có thời hạn trả chỉ thỏa thuận là khi nào tôi có tiền thì trả. Khi tôi vay là có lãi, mỗi tháng trả 2.000.000đồng, mỗi năm viết lại giấy nợ mới cho bà B. Tôi đóng lãi cho bà B đến năm 2019 thì không đóng nữa. Mặt khác, mỗi năm tôi phải viết lại 01 giấy nợ mới cho bà B, tôi viết giấy nợ mới từ năm 2015, 2016, 2018 riêng 2017 tôi về Bắc nên tôi không viết giấy nợ lại cho bà B. Ngày 20/10/2019 tôi đã trả 20.000.000đồng cho ông Trần Văn A là chồng bà B, ông A có ký viết vào vào biên nhận thanh toán tiền của tôi ngày 20/10/2019. Nên tôi không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà B.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn A trình bày: Tôi và bà B chung sống như vợ chồng từ năm 2009 đến cuối năm 2020 thì chia tay nên tôi biết rõ việc vay nợ giữa ông C và bà B. Ông C vay nợ bà B từ năm 2014, mỗi năm đều làm giấy nợ lại. Ông C có trả lãi đều đặn cho bà B mỗi tháng là 2.000.000đồng, tôi biết chuyện này là do tôi có chở bà B đến nhà ông C lấy tiền lãi. Ngày 20/10/2019, bà B đưa cho tôi giấy nợ năm 2018 qua nhà ông C lấy tiền nợ, tại nhà ông C, ông C đưa cho tôi 20.000.000đồng, tôi đưa bản chính giấy nợ cho ông C và ký và viết biên nhận thanh toán tiền của ông C ngày 20/10/2019. Sau khi về nhà tôi đưa tiền liền trong ngày cho bà B.

Bà B trình bày: Ông C vay tiền tôi là từ năm 2016 chứ không phải năm 2014. Tuy nhiên năm 2018 ông C có viết cho tôi một giấy nợ gốc 20.000.000đ và lãi là 30.000.000đồng, tổng cộng 50.000.000đồng tôi đưa cho ông A đi lấy tiền ông C nhưng hai ông thông đồng với nhau ông C chỉ đưa tiền cho ông A và hủy luôn giấy nợ này và ông A không đưa tôi lại 20.000.000đồng này. Tôi xác định tôi chỉ cho ông C vay 20.000.000đồng không còn khoản vay nào khác.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 107/2023/DS-ST ngày 28 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Hóa, tỉnh Long An tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Kim B đối với ông Nguyễn Sinh C.

2. Về án phí:

Do yêu cầu của nguyên đơn bà Phan Kim B không được chấp nhận nên ông Nguyễn Sinh C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn bà Phan Kim B, sinh năm 1958 là đối tượng được miễn án phí nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo và hướng dẫn thi hành án.

Ngày 12 tháng 12 năm 2023, nguyên đơn bà Phan Kim B kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo.

Phản tranh luận:

Bà B trình bày: Bà cho ông C vay 20.000.000đồng vào năm 2016, ngoài khoản tiền này bà không cho ông C vay khoản tiền nào khác. Ông C chưa trả tiền gốc và tiền lãi cho bà. Ông C nói vay năm 2014 mỗi năm viết lại giấy vay là không đúng, bà thừa nhận bà và ông A chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn từ năm 2009, đến năm 2019- 2020 thì không sống chung nữa. Bà thừa nhận do bà bị bệnh nên có đưa tờ giấy nợ của ông C cho ông A và nhờ ông A đến nhà ông C để đòi tiền. Việc ông C nói có trả tiền cho ông A, nhưng ông A không giao tiền lại cho bà mà do hai người thông đồng với nhau để chiếm đoạt tiền của bà. Do đó, bà yêu cầu Tòa án buộc ông C phải trả cho bà tiền gốc là 20.000.000đồng và tiền lãi tính từ năm 2016 đến nay là 20.000.000đồng, tổng cộng là 40.000.000đồng.

Ông C trình bày: Năm 2014 ông vay của bà B 20.000.000đồng trả tiền lãi hàng năm và mỗi năm viết lại giấy nợ mới. Đến ngày 20/10/2019 ông có báo cho bà B biết là ông sẽ trả đủ số tiền gốc 20.000.000đồng cho bà B vì tiền lãi ông đã trả đủ trước đó. Ngày 20/10/2019 bà B không đến nhà ông lấy tiền mà có chồng bà B là ông Trần Văn A đến để lấy tiền, khi đến ông A có đưa lại ông C bản chính giấy nợ năm 2014, ông đã trả đủ số tiền gốc và tiền lãi cho bà B và ông A và có làm giấy thanh toán ghi ngày 20/10/2019. Ông A đã nhận đủ tiền và ký tên vào giấy thanh toán này, do đó, ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo của bà B.

Ông Trần Văn A trình bày: ông và bà B sống chung như vợ chồng từ năm 2009 đến cuối năm 2020. Năm 2019 bà B có kêu và đưa cho ông tờ giấy nợ của ông C cho ông A cầm lên nhà ông C để lấy tiền nợ. Khi đến nhà ông C có trả cho bà B số tiền 20.000.000đồng, ông C có viết tờ giấy thanh toán mượn tiền và ông có ký tên xác nhận ông C đã thanh toán đủ số tiền 20.000.000đồng, khi về nhà ông đưa lại toàn bộ số tiền 20.000.000đồng cho bà B trong cùng ngày.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về chấp hành pháp luật: Đơn kháng cáo của bà B trong thời hạn quy định của pháp luật nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm. Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng những quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án:

Bà B kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm giải quyết buộc ông Nguyễn Sinh C trả cho bà số tiền đã vay 20.000.000đồng và tiền lãi là 20.000.000đồng. Xét thấy: Bà B, ông A thừa nhận sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 2009 đến cuối năm 2020 thì không sống chung nữa. Bà B cũng thừa nhận do bà bị bệnh nên bà có đưa giấy nhận nợ của ông C cho ông A đi lấy nợ thay bà, nên ngày 20/10/2019 ông C trả nợ cho ông A và ông A cũng thừa nhận đã nhận số tiền 20.000.000đồng mà ông C trả

cho bà B rồi về giao bà B trong ngày, ông A có viết và ký vào biên nhận thanh toán tiền của ông C ngày 20/10/2019 (BL35). Bà B cũng xác định chỉ cho ông C vay 20.000.000đồng, ngoài ra không có khoản vay nào khác, ông A cũng khẳng định đã nhận đủ tiền rồi giao cho bà B nên có căn cứ xác định ông C đã thanh toán số nợ vay 20.000.000đồng cho bà B thông qua ông A nhận thay bà B. Do đó kháng cáo của bà B yêu cầu ông C trả cho bà số tiền gốc là 20.000.000đồng và tiền lãi là 20.000.000đồng là không có căn cứ. Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bà B giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bà B trong thời hạn quy định của pháp luật nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của bà B yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng buộc ông C phải trả cho bà số tiền vay 20.000.000đồng và tiền lãi tính từ ngày 17/5/2016 đến ngày khởi kiện là 86 tháng với số tiền lãi là 20.000.000đồng. Xét thấy, bà B và ông Trần Văn A thừa nhận bà B và ông Trần Văn A chung sống như vợ chồng từ năm 2009 đến cuối năm 2020 thì không còn sống chung nữa. Tại phiên tòa bà B và ông A trình bày việc ông C vay của bà B 20.000.000đồng cả ông A và bà B đều biết. Bà B cho rằng ông C vay của 20.000.000đồng từ năm 2016 đến nay chưa trả. Ông C trình bày số tiền này ông vay của bà B từ năm 2014, tiền lãi đã trả đủ hàng tháng, mỗi năm viết giấy nợ lại, đến năm 2019 có báo cho bà B sẽ trả đủ 20.000.000đồng cho bà B. Bà B trình bày ngày 20/10/2019 bà B bị bệnh nên bà B không đến nhà ông C để lấy tiền được nên bà B đã đưa tờ giấy nợ của ông C cho ông Trần Văn A nhờ ông A đến nhà ông C để lấy tiền nợ thay cho bà, khi đến nhà ông C, ông A có đưa lại cho ông C tờ giấy nợ mà ông C đã ký. Ông C đã trả đủ số tiền 20.000.000đồng cho bà B thông qua ông A là người được và B nhờ đến nhận thay, ông A đã nhận đủ tiền và ký giấy xác nhận ông C đã thanh toán đủ 20.000.000đồng (bút lục 35). Bà B xác định bà chỉ cho ông C vay số tiền 20.000.000đồng, ngoài ra ông C không còn vay số tiền nào khác. Do đó, có đủ cơ sở xác định ông C đã trả đủ cho bà B số tiền vay 20.000.000đồng nên án sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của bà B là căn cứ. Bà B kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì mới nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà B, chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của bà B không được chấp nhận nên bà B phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, tuy nhiên bà B được miễn án phí theo điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Phan Kim b;

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 107/2023/DS-ST ngày 28 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Hóa, tỉnh Long An.

Căn cứ các điều 26, 35, 39 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 466, Điều 469 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 12 và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Kim B đối với ông Nguyễn Sinh C về việc yêu cầu ông C phải trả cho bà B số tiền vay 20.000.000đồng và tiền lãi 20.000.000đồng.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm: Bà Phan Kim B được miễn nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm

3. Về hiệu lực của bản án: Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

4. Về hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Tp.HCM;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện Thanh Hóa;
- Chi cục THADS huyện Thanh Hóa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trịnh Thị Phúc